TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2026/HNGĐ - ST
Ngày 04 - 08 - 2026
V/v: Không công nhận vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Toản.

2. Bà Hoàng Thị Ngọc Ngân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 401/2026/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phàng Thị Pa L, sinh năm 1967, số CCCD 014167001……., địa chỉ: Bản Cò Ch, xã P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Thào Lao T, sinh năm 1971, số CCCD 014071001….., địa chỉ: Bản Cò Ch, xã P, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2026 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phàng Thị Pa L trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Tôi và anh Thào Lao T tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau từ năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đến nay, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng tôi là Thào Lao T sống chung với người phụ nữ khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, không thể chung sống được

với nhau. Nay tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tuyên bố không phải là vợ chồng.

Về con chung: Có 06 con chung là cháu Thào Thị S, sinh năm 1991, Thào Thị M, sinh năm 1993, Thào Lao B, sinh năm 1994, Thào Thị D, sinh năm 1995, Thào Thị D, sinh năm 1997 và Thào Lao Kh, sinh năm 2000 đều đã trưởng thành và lập gia đình riêng, hiện nay chỉ còn con trai út là Thào Lao Kh chưa lập gia đình đang ở với tôi và tôi không yêu cầu Tòa án án xem xét giải quyết

Đối với tài sản chung của vợ chồng là 01 nhà kê bằng gỗ; 01 bộ gỗ làm nhà; 01 ao thả cá; 01 thửa nương; 01 đôi bò; 02 xe máy đã qua sử dụng và các tài sản khác đang sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày khác như thùng phi bằng nhựa 6 cái; 02 nồi to. Trong đơn khởi kiện tôi có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên đến hiện tại toàn bộ tài sản chung đề nghị chia đã được hai vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Anh Thào Lao T trình bày ý kiến:

Tôi và bà Phàng Thị Pa L lấy nhau vào năm 1988 và hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục, tập quán địa phương và hai người chưa đến UBND xã để đăng ký kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến bà Phàng Thị Pa L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số tài sản chung hiện còn, tôi và bà Pa L tự thỏa thuận, phân chia, không yêu cầu giải quyết.

Về con chung hiện nay các con đã trưởng thành, tôi nhất trí ý kiến của bà Pa L ý kiến về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T tại nơi cư trú và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật đối thoại, hoà giải tại Toà án; Khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Chị Phàng Thị Pa L thuộc trường hợp được được miễn án phí dân sự sơ thẩm, do vậy không phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phàng Thị Pa L có đơn khởi kiện về việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, anh Thào Lao T và chị Phàng Thị Pa L có hộ khẩu cư trú tại xã P, tỉnh Sơn La thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4- Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, bị đơn anh Thào Lao T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 4- Sơn La tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1989, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị Pa L và anh T sống chung với nhau tại bản Cò Ch, xã P, huyện C, tỉnh Sơn La, nay là xã P, tỉnh Sơn La. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Thào Lao T có quan hệ đi lại với người phụ nữ khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Từ đó hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không còn ai quan tâm đến cuộc sống gia đình,

Chị Phàng Thị Pa L xác định hiện tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chung sống.

Tại các biên bản xác minh ngày 16 tháng 7 năm 2026 tại UBND xã P, tỉnh Sơn La, được ông Lìa Cao X là chuyên viên phụ trách lĩnh vực tư pháp Hộ tịch xác định trên hệ thống hộ tịch điện tử của UBND xã P, tỉnh Sơn La xác định chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T chưa đăng ký kết hôn, nhưng anh chị vẫn sống chung với nhau như vợ chồng và đẻ con và cư trú tại bản Cò Ch, xã P, tỉnh Sơn La cho đến nay. Tại Ban quản lý thôn bản được ông Thào Lao Ch là Bí thư chi bộ bản Cò Ch, xã P, tỉnh Sơn La, nguyên là trưởng bản Cò Ch, xã P cho biết chị Pa L và anh T có xác lập quan hệ vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn và sinh sống cư trú tại bản Cò Ch, xã P, tỉnh Sơn La. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T thừa nhận nam nữ sống chung với với nhau từ năm 1989, anh chị hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn và đã được hai bên gia đình giải quyết xong theo phong tục tập quán địa phương, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng cho đến nay. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì chị Pa L và anh T không phải là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân không được pháp luật thừa nhận, cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phàng Thị Pa L, tuyên bố không công nhận quan hệ chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Phàng Thị Pa L cung cấp các tài liệu xác định chị Pa L và anh T có 06 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung vợ chồng: Chị Phàng Thị Pa L xác định có 01 nhà kê bằng gỗ; 01 bộ gỗ làm nhà; 01 ao thả cá; 01 thửa nương; 01 đôi bò; 02 xe máy và các đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày đề nghị chia đôi giá trị tài sản. Tuy nhiên tại phiên tòa chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T cam kết không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Phàng Thị Pa L thuộc trường hợp được miễn án phí, không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chị Phàng Thị Pa L và anh Thào Lao T là vợ chồng.

2. Về con chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Phàng Thị Pa L được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phàng Thị Pa L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 04/8/2026). Anh Thào Lao T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND Khu vực 4 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Cầm Ngọc Thương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hoàng Quốc Toản **Hoàng Thị Ngọc Ngân** **Cầm Ngọc Thương**